TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2021/QĐST- HNGĐ	*Hà Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: SN 71, đường H, tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Đình T; địa chỉ: Tổ 05, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/5/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: SN 71, đường H, tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang và anh Lê Đình T; địa chỉ: Tổ 05, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đình T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hoài A; sinh ngày 27/01/2016 và cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 13/8/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Đình T cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đăng Q sinh ngày 13/8/2017 theo mức 2.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, chị N là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn 150.000đ được khấu trừ tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, biên lai thu số 0002496 ngày 01/4/202, trả lại cho chị N 150.000đ án phí chênh lệch. Anh Lê Đình T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND P. Nguyễn Trãi, TP H tỉnh Hà Giang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình